TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THUẬN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: **13**/2018/HNGĐ-ST
Ngày:12-6-2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Cẩm.

2. Bà Nguyễn Thị Diền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Nguyễn - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thuận tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 54/2018/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/5/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Dương Thanh N, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/4/2018; bản tự khai ngày 18/4/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị T và anh N kết hôn năm 2007, có tổ chức lễ cưới theo phong tục ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn B. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi nhau, cuộc sống không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh N.

- *Về con chung*: Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Dương Thành Đ, sinh ngày 18/10/2008 hiện đang sống chung với anh N và Dương Phát Đ, sinh ngày 30/5/2015, hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Dương Phát Đ, giao cháu Dương Thành Đ cho anh N nuôi dưỡng; không cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Dương Thanh N để anh trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T cũng như tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa nhưng anh N không nộp bản tự khai cho Tòa án, cố tình trốn tránh, vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Quá trình thụ lý vụ án, chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, đúng tư cách tham gia tố tụng, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ đúng trình tự, thủ tục. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định; tuy nhiên bị đơn vi phạm những quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự, vắng mặt tại phiên tòa không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt anh N là đúng quy định. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn với anh N. Về con chung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Dương Phát Đ cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Dương Thành Đ cho anh anh N trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp duỡng nuôi con chị T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn anh Dương Thanh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh N không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử

áp dụng khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

Nguyên đơn chị T yêu cầu ly hôn với bị đơn anh N và có yêu cầu nuôi con chung. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện nên Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thuận thụ lý giải quyết là phù hợp.

Do Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với quy định tại Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án*: Chị T và anh N xác lập quan hệ hôn nhân năm 2007, anh chị có đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND thị trấn B, huyện C, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, gia đình hai bên đã can thiệp hòa giải nhưng vẫn không đạt kết quả anh chị đã sống ly thân từ năm 2016. Nay chị T cương quyết yêu cầu ly hôn anh N không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình, không có văn bản thể hiện ý kiến gì cho Tòa án xem xét, cố tình vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. Mặt khác anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đươc. Do đó áp dụng Điều 56 (Ly hôn theo yêu cầu của một bên) của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh N.

[3] *Về con chung*: Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 người con chung tên Dương Thành Đ, sinh ngày 18/10/2008 hiện đang sống chung với anh N và Dương Phát Đ, sinh ngày 30/5/2015 hiện đang sống chung với chị T. Chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Dương Phát Đ, giao cháu Dương Thành Đ cho anh N nuôi dưỡng; thấy rằng từ khi ly thân đến nay cháu Phát Đ sống chung với chị T và hiện nay cũng đang sống chung với chị T, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi con không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng cho con. Xét thấy từ khi vợ chồng ly thân đến nay chị T là người trực tiếp nuôi cháu Phát Đ, cuộc sống của con được đảm bảo, có chính quyền địa phương xác nhận nên chị T đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 *(quy định về việc trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Dương Phát Đ, sinh ngày 30/5/2015 cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, riêng cháu Dương thành Đ thì sống chung

với anh N, cuộc sống của con được đảm bảo, có chính quyền địa phương xác nhận nên anh N đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Dương Thành Đ do đó Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81 *(quy định về việc trông nôm, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn)* của Luật hôn nhân và gia đình 2014, giao cháu Dương Thành Đ, sinh ngày 18/10/2008 cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, hiện cháu Thành Đ đang sống chung với anh N.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn*: Do chị T, anh N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T xác định trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung. Chị T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễm, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1 - *Về hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Kiều T được ly hôn với anh Dương Thanh N.

2 - *Về con chung*: Giao cháu Dương Thành Đ, sinh ngày 18/10/2008 cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Thành Đ đang sống chung với anh N) và giao cháu Dương Phát Đ, sinh ngày 30/5/2015 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Phát Đ đang sống chung với chị T); Chị T và anh N không phải cấp dưỡng nuôi con do không có yêu cầu (*Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con*). Chị T và anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

3 - *Về tài sản chung và nợ chung*: Không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4 - *Án phí ly hôn sơ thẩm*: Chị Nguyễn Thị Kiều T chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0005562 ngày 18/4/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Thuận.

5 - Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kiều T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/6/2018); bị đơn anh Dương Thanh N vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hánh án dân sự*"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Vĩnh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Thuận;
- UBND thị trấn Vĩnh Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Trần Thị Mỹ Vinh
(Đã ký)